

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM NGHIỆP VIỆT NAM

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM NGHIỆP VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM IMPORT EXPORT AGRICULTURE FORESTRY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIET NAM IMPORT EXPORT AGRICULTURE FORESTRY.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107359070

3. Ngày thành lập: 17/03/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 6, Trần Văn Lai, tòa nhà CT5 khu đô thị sông đà mỹ đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng lúa	0111
2.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
3.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
4.	Trồng cây mía	0114
5.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
6.	Trồng cây lấy sợi	0116
7.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
8.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
9.	Trồng cây ăn quả	0121
10.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
11.	Trồng cây điều	0123
12.	Trồng cây hồ tiêu	0124
13.	Trồng cây cao su	0125
14.	Trồng cây cà phê	0126
15.	Trồng cây chè	0127
16.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
17.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
18.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
19.	Khai thác gỗ	0221
20.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
21.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030

22.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
23.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
24.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
25.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
26.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
27.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Gồm có: Dịch vụ khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự	5510
28.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chỉ gồm có: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;	4663
29.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Bán buôn phân bón;	4669
30.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
31.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
32.	Xây dựng nhà các loại	4100
33.	Xây dựng công trình công ích	4220
34.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác Bán buôn hoa và cây Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)	4620(Chính)
35.	Bán buôn thực phẩm	4632
36.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Bán buôn hàng may mặc, giày, dép;	4641
37.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Bán buôn điều hòa không khí;	4649
38.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
39.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

40.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
41.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
42.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
43.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa;	8299
44.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Dịch vụ tổ chức sự kiện;	9639
45.	Quảng cáo	7310
46.	Trong các ngành, nghề có trên không bao gồm: Ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh. Đối với các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì pháp nhân chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 23.886.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN GIANG (TÚC NGUYỄN TRƯỜNG GIANG)	Xóm Làng Quài, Xã Lục Hành, Huyện Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.598.600	15.986.000.000	66,926	070657379	
			Tổng số	1.598.600	15.986.000.000	66,926		
2	BẠCH VĂN LINH	Xóm Quê Kho, Xã Tú Sơn, Huyện Kim Bôi, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	20,933	113280430	
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	20,933		

3	VŨ QUANG BÍCH	Số 92, tổ 16, Phường Chăm Mát, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	290.000	2.900.000.000	12,141	113074516	
			Tổng số	290.000	2.900.000.000	12,141		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN GIANG (TỨC NGUYỄN TRƯỜNG GIANG) Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/06/1978 Dân tộc: Tày Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 070657379

Ngày cấp: 27/03/2010 Nơi cấp: Công an tỉnh Tuyên Quang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Làng Quài, Xã Lục Hành, Huyện Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm Làng Quài, Xã Lục Hành, Huyện Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội